

CHÍNH PHỦ
Số: 32/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình đối với các dân tộc thiểu số

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Để tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, khuyến khích phát huy các phong tục, tập quán tốt đẹp và tiến tới xoá bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình của các dân tộc thiểu số;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đối với công dân thuộc các dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa; quy định việc áp dụng các phong tục, tập quán về hôn nhân và gia đình của các dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa.

Điều 2. Áp dụng phong tục, tập quán về hôn nhân và gia đình

1. Phong tục, tập quán tốt đẹp về hôn nhân và gia đình của các dân tộc thiểu số (được ghi trong Phụ lục A ban hành kèm theo Nghị định này) thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với những nguyên tắc quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì được tôn trọng và phát huy.

2. Phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình của các dân tộc thiểu số (được ghi trong Phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định này) trái với những nguyên tắc quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì bị nghiêm cấm hoặc vận động xoá bỏ.

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà nước đối với quan hệ hôn nhân và gia đình của người dân thuộc các dân tộc thiểu số

Các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng và thực hiện các chính sách, biện pháp tạo điều kiện để người dân thuộc các dân tộc thiểu số thực hiện các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; phát huy

truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình.

1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình, vận động người dân phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp và xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình.

2. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn và giúp đỡ người dân thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

3. Khuyến khích mọi người giáo dục thế hệ trẻ bảo tồn, phát triển ngôn ngữ, chữ viết và phát huy các giá trị văn hoá, truyền thống tốt đẹp của mỗi dân tộc.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KẾT HÔN

Điều 4. Tuổi kết hôn

Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên mới được kết hôn để bảo đảm sự phát triển giống nòi, bảo đảm cho các bên nam, nữ có đủ điều kiện về sức khoẻ và khả năng chăm lo cuộc sống gia đình. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên, các Già làng, Trưởng bản và các vị chức sắc tôn giáo thực hiện tuyên truyền vận động người dân xoá bỏ phong tục, tập quán kết hôn trước tuổi quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (tảo hôn).

Điều 5. Bảo đảm quyền tự do kết hôn của nam, nữ

1. Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào. Ủy ban nhân dân cấp xã, Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên, các Già làng, Trưởng bản, các vị chức sắc tôn giáo vận động, thuyết phục các bậc cha mẹ hướng dẫn con xây dựng gia đình tiến bộ, không được cưỡng ép hoặc cản trở việc lấy vợ, lấy chồng của con; vận động mọi người xoá bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu cản trở quyền tự do kết hôn của nam và nữ.

2. Nghiêm cấm tục cướp vợ để cưỡng ép người phụ nữ làm vợ.

Không ai được lợi dụng việc xem tướng số hoặc các hình thức mê tín dị đoan khác để cản trở việc thực hiện quyền tự do kết hôn của nam và nữ.

Điều 6. Bảo đảm quyền tự do kết hôn của người phụ nữ góa chồng, người đàn ông góa vợ

1. Người phụ nữ góa chồng, người đàn ông góa vợ có quyền kết hôn với người khác và không phải trả lại tiền cưới cho nhà chồng hoặc nhà vợ cũ. Khi kết hôn với người khác, quyền lợi về con cái và tài sản của người đó được pháp luật bảo vệ.

2. Nghiêm cấm tập quán buộc người vợ góa, chồng góa phải lấy một người khác trong gia đình chồng cũ hoặc gia đình vợ cũ mà không được sự đồng ý của người đó.

Điều 7. Việc kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ và giữa những người trong dòng họ với nhau

Nghiêm cấm tập quán kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc có liên quan dòng họ trong phạm vi ba đời.

Vận động xoá bỏ phong tục, tập quán cấm kết hôn giữa những người có liên quan dòng họ trong phạm vi từ bốn đời trở lên.

Điều 8. Đăng ký kết hôn

Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn, thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các bên kết hôn, việc đăng ký kết hôn cho người dân được thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tại tổ dân phố, thôn, bản, phum, sóc, nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn.

Khi đăng ký kết hôn, các bên nam, nữ cần làm Tờ khai đăng ký kết hôn và xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế. Sau khi nhận Tờ khai đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, nếu các bên đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Nghị định này, thì thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau khi hai bên nam, nữ ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn. Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn được trao cho vợ, chồng tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tại nơi cư trú.

Việc đăng ký kết hôn cho người dân thuộc các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa được miễn lệ phí.

Điều 9. Áp dụng phong tục, tập quán về nghi thức cưới hỏi

1. Các nghi thức cưới hỏi tiết kiệm, lành mạnh thể hiện bản sắc của dân tộc mình mà không trái với những quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì được tôn trọng, phát huy.
2. Nghiêm cấm việc thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chăn gối... để dẫn cưới) và các hành vi cản trở việc kết hôn hoặc xâm phạm đến nhân phẩm của người phụ nữ.

Chương III

QUAN HỆ GIỮA VỢ VÀ CHỒNG, GIỮA CHA MẸ VÀ CON, GIỮA CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG GIA ĐÌNH

Điều 10. Quyền bình đẳng giữa vợ và chồng

1. Trong gia đình, vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt.
2. Các dân tộc có quan hệ gia đình theo chế độ phụ hệ hoặc mẫu hệ có các phong tục, tập quán không bảo đảm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, thì ủy ban nhân dân cấp xã, Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên, các Già làng, Trưởng bản, các vị chức sắc tôn giáo vận động, thuyết phục người dân từng bước xoá bỏ sự bất bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ gia đình, bảo đảm vợ, chồng có các quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Điều 11. Nơi cư trú của vợ, chồng

1. Vợ, chồng tự lựa chọn, thoả thuận với nhau về việc ở riêng hoặc ở chung với gia đình nhà vợ hoặc gia đình nhà chồng, không bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán. Sau khi kết hôn, vợ, chồng có quyền sống chung với nhau, không ai được ngăn cản.